

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/DS-PT

Ngày: 29-6-2022

V/v *Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản; Tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Vân

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 95/2022/QĐ-PT ngày 29/04/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 91/2022/QĐ-PT ngày 23-5-2022, thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 273/TB-PT ngày 06-6-2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Văn Đình A, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Tổ dân phố S, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 9 C, phường 9, Đ (*Văn bản ủy quyền ngày 28-2-2022*)

- Bị đơn: Vợ chồng ông Bùi Huỳnh V, sinh năm 1969; bà Đình Thị T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Vợ chồng ông Đặng Xuân H, sinh năm 1957; bà Lê Thị H, sinh năm 1963.
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Bà H ủy quyền cho ông Đặng Xuân H theo văn bản ủy quyền lập ngày 16/12/2020.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông H, bà H: Luật sư Hoàng Thế T - Văn phòng luật sư N thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ: Số 18, đường H, phường 3, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

+ Ông Ngô Tấn Đ, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số 333, thôn K, xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

+ Văn phòng công chứng Nguyễn Mậu A.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mậu A, trưởng văn phòng. Địa chỉ: Số 728, đường H, tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Bùi Huỳnh V; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Xuân H, bà Lê Thị H.

(Ông T, ông V, ông H và Luật sư có mặt tại phiên tòa; ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; các đương sự còn lại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trương Thị Quỳnh N trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên vợ chồng ông V, bà T có vay tiền của ông A. Ngày 21/11/2018 ông A có cho vợ chồng ông V, bà T vay số tiền là 100.000.000đ. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay đến ngày 05/12/2018 vợ chồng ông V, bà T sẽ trả cho ông A số tiền gốc và tiền lãi suất là 1.66%/tháng nhưng không ghi vào giấy mượn tiền.

Ngày 22/11/2018 ông A có cho vợ chồng ông V, bà T vay số tiền là 150.000.000đ. Hai bên có thỏa thuận đến ngày 05/12/2018 vợ chồng ông V, bà T sẽ trả cho ông A số tiền gốc và tiền lãi suất 1,67%/tháng nhưng không ghi vào giấy vay tiền.

Ngày 11/12/2018 ông A cho vợ chồng ông V, bà T vay tiếp số tiền là 100.000.000đ. Hai bên có thỏa thuận đến ngày 25/12/2018 vợ chồng ông V, bà T sẽ trả cho ông A số tiền gốc và tiền lãi suất là 1,67% nhưng không ghi vào giấy vay tiền.

Các lần vay tiền hai bên đều viết giấy nhận tiền có chữ ký của ông A và vợ chồng ông V, bà T.

Quá hạn trả nợ như đã thỏa thuận vợ chồng ông V, bà T không trả cho ông A mặc dù ông A đã yêu cầu rất nhiều lần. Vợ chồng ông V, bà T luôn khất lãn, lẩn tránh, không có thiện chí trả nợ cho ông A.

Đến ngày 10/01/2020, vợ chồng ông V, bà T đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho vợ chồng ông H, bà H với mục đích là nhằm tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn đã làm đơn đề nghị Tòa án phong tỏa tài sản của vợ chồng ông V, bà T để đảm bảo việc thi hành án sau này. Tại quyết định số 01/2020/QĐ - BPKCTT ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện L đã phong tỏa diện tích đất 916m², thuộc thửa 1782, tờ bản đồ địa chính số 30, bộ bản đồ xã P, huyện L và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số CO 963192 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 30/10/2018, đứng tên ông Quảng Văn E đã được điều chỉnh cho vợ chồng ông Bùi Huỳnh V, bà Đinh Thị T.

Đến nay các bên không thể tự thương lượng, thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp và để đảm bảo quyền lợi của ông A. Tại phiên tòa cấp sơ thẩm, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông V, bà T phải trả cho ông A số tiền gốc là 350.000.000đ và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay cho đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án. Đồng thời bà N yêu cầu Tòa án giữ nguyên Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2020/QĐ - BPKCTT ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện L.

Bị đơn bà Đinh Thị T đã được Tòa án niêm yết các thủ tục hợp lệ: Niêm yết thông báo thụ lý vụ án, quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên Tòa cùng với giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với bà T nhưng bà T vắng mặt không có lý do.

Bị đơn ông Bùi Huỳnh V trình bày: Ông là chồng của bà Đinh Thị T. Do ông và vợ ông xảy ra mâu thuẫn nên hiện nay vợ ông đã bỏ đi khỏi địa phương, vợ ông không thông báo địa chỉ cho ông. Ông có quen biết với ông Văn Đình A thông qua vợ ông. Chữ ký trong giấy mượn tiền ngày 21/11/2018, ngày 22/11/2018 và ngày 11/12/2018 không phải là chữ ký của ông vì ông không vay mượn tiền gì với ông A. Còn vợ ông có vay tiền của ông A hay không thì không biết.

Nay ông A khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông, bà phải trả cho ông A số tiền gốc là 350.000.000đ và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật thì ông không đồng ý trả với lý do ông không vay tiền cũng như không ký nhận giấy vay tiền với ông A. Đối với việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông H, bà H thì việc chuyển nhượng đã xong. Vì vậy ông không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với hợp đồng chuyển nhượng này. Còn vợ chồng ông H, bà H có yêu cầu gì thì đề nghị Tòa án làm việc với vợ chồng ông H, bà H. Ngoài ra ông không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Đặng Xuân H, bà Lê Thị H trình bày:

Vào ngày 10/01/2020 vợ chồng ông bà có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông V, bà T diện tích đất 916m², thuộc thửa 1782, tờ bản đồ địa chính số 30, bộ bản đồ xã P, huyện L với giá chuyển nhượng là 300.000.000đ. Khi chuyển nhượng hai bên có lập hồ sơ chuyển nhượng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Mậu A. Sau khi lập hợp đồng chuyển nhượng thì chiều cùng ngày vợ chồng ông bà có nộp hồ sơ chuyển nhượng tại một cửa Ủy ban nhân dân huyện L và được hẹn đến ngày 31/01/2020 sẽ lấy sổ. Nhưng đến ngày 17/01/2020 vợ chồng ông bà nhận được quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa diện tích đất mà vợ chồng ông bà đã nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông V, bà T nên việc chuyển nhượng không thực hiện được. Nay vợ chồng ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết tiếp tục duy trì hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 916m², thuộc thửa 1782, tờ bản đồ địa chính số 30, bộ bản đồ xã P, huyện L theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 963192 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 30/10/2018, đứng tên ông Quảng Văn E đã được điều chỉnh cho vợ chồng ông Bùi Huỳnh V, bà Đinh Thị T theo hợp đồng chuyển nhượng số 200 quyền sở 01/TP/CC - SCC/HĐGD ngày 10/01/2020 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Mậu A giữa vợ chồng ông bà với vợ chồng ông V, bà T. Trong trường hợp Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng nêu trên thì vợ chồng ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng mà vợ chồng ông bà đề nghị Tòa án tách ra để giải quyết bằng một vụ án khác. Đồng thời vợ chồng ông bà yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2020/QĐ - BPKCTT ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện L. Ngoài ra, vợ chồng ông bà không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Người đại diện theo pháp luật của Văn phòng công chứng Nguyễn Mậu A - ông Nguyễn Mậu A trình bày: Ngày 10/01/2020 Văn phòng công chứng Nguyễn Mậu A nhận được yêu cầu công chứng hợp đồng chuyển nhượng của ông Bùi Huỳnh V, bà Đinh Thị T và ông Đặng Xuân H, bà Lê Thị H. Sau khi kiểm tra hồ sơ yêu cầu công chứng và các điều kiện có hiệu lực pháp luật của giao dịch dân sự tại điều 117, bộ luật dân sự năm 2015, công chứng viên Nguyễn Mậu A xác định đủ điều kiện để công chứng hợp đồng chuyển nhượng nên đã thụ lý và tiến hành chứng nhận hợp đồng chuyển nhượng trên.

Hồ sơ yêu cầu công chứng mà người yêu cầu công chứng cung cấp gồm: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của ông Bùi Huỳnh V, bà Đinh Thị T và ông Đặng Xuân H, bà Lê Thị H; giấy phép lái xe của ông Đặng Xuân H; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 963192 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 30/10/2018, cập nhật chuyển nhượng cho vợ chồng ông Bùi Huỳnh V, bà Đinh Thị T ngày 13/11/2018. Cụ thể: Chứng minh nhân dân của ông Bùi Huỳnh V, bà Đinh Thị T và ông Đặng Xuân H, bà Lê Thị H còn hạn sử dụng; thông tin trong sổ hộ khẩu của hai bên chính xác và thống nhất với các giấy tờ trong hồ sơ yêu cầu công chứng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 963192 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 30/10/2018. Sau khi kiểm tra cơ sở dữ liệu công chứng tỉnh Lâm Đồng,

các quyết định về tạm dừng đăng ký chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản của Cơ quan thi hành án và quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án nhân dân các cấp cũng như quyết định ngăn chặn của các cơ quan khác để tránh trường hợp đương sự tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ. Công chứng viên xác định diện tích đất này không có tranh chấp; không bị kê biên để đảm bảo cho việc thi hành án, còn hạn sử dụng do đó đủ điều kiện để thực hiện quyền chuyển nhượng theo quy định của Điều 188 luật đất đai năm 2013. Cụ thể là: Vào thời điểm công chứng viên Nguyễn Mậu A chứng nhận hợp đồng chuyển nhượng ngày 10/01/2020, số công chứng 200, quyển số 01/TP/CC - SCC/HĐGD giữa ông Bùi Huỳnh V, bà Đinh Thị T và ông Đặng Xuân H, bà Lê Thị H quyền sử dụng đất nêu trên chưa bị Tòa án nhân dân huyện L ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa diện tích đất nêu trên.

Ngoài ra, công chứng viên đã kiểm tra các điều kiện khác theo quy định điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015 và có nhận định như sau: Các bên tham gia giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Các bên tham gia giao dịch chuyển nhượng này hoàn toàn tự nguyện. Mục đích và nội dung của hợp đồng chuyển nhượng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Công chứng viên chuyển hồ sơ để soạn thảo hợp đồng chuyển nhượng cho người công chứng là ông Bùi Huỳnh V, bà Đinh Thị T và ông Đặng Xuân H, bà Lê Thị H đọc hai bên đồng ý và bên chuyển nhượng ký, điểm chỉ vào hợp đồng chuyển nhượng, bên nhận chuyển nhượng đã ký vào hợp đồng này. Công chứng viên kiểm tra đúng người yêu cầu công chứng, bản chính các giấy tờ liên quan và chứng nhận hợp đồng chuyển nhượng.

Việc công chứng viên của Văn phòng công chứng Nguyễn Mậu A chứng nhận hợp đồng chuyển nhượng số công chứng 200, quyển số 01/TP/CC - SCC/HĐGD giữa ông Bùi Huỳnh V, bà Đinh Thị T (bên chuyển nhượng) và ông Đặng Xuân H, bà Lê Thị H (bên nhận chuyển nhượng) là đúng quy định của pháp luật.

Văn phòng công chứng Nguyễn Mậu A yêu cầu giữ nguyên hợp đồng chuyển nhượng số công chứng 200, quyển số 01/TP/CC - SCC/HĐGD ngày 10/01/2020 giữa ông Bùi Huỳnh V, bà Đinh Thị T và ông Đặng Xuân H, bà Lê Thị H.

Văn phòng công chứng Nguyễn Mậu A đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Văn phòng công chứng gửi kèm tất cả giấy tờ có liên quan đến vụ án mà Văn phòng công chứng đã thụ lý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Tấn Đ trình bày: Ông có cho ông Văn Đình A vay số tiền là 350.000.000đ. Việc vay mượn trên là ông làm việc trực tiếp với ông A. Việc ông cho ông A vay số tiền trên không liên quan gì đến vợ chồng ông Bùi Huỳnh V, bà Đinh Thị T. Đối với số tiền ông A đang nợ ông thì ông sẽ tự thỏa thuận giải quyết với ông A. Nếu không thỏa thuận được thì ông sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác. Ông đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản giữa ông Văn Đình A với vợ chồng ông

Bùi Huỳnh V, bà Đinh Thị T vì ông không cho vợ chồng ông V, bà T vay tiền. Ngoài ra ông không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tòa án đã tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện L đã xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Văn Đình A về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với vợ chồng ông Bùi Huỳnh V, bà Đinh Thị T.

Buộc vợ chồng ông Bùi Huỳnh V, bà Đinh Thị T phải trả cho ông Văn Đình A số tiền gốc là 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi suất là 109.795.000đ (Một trăm lẻ chín triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn đồng). Tổng cộng là 459.795.000đ (Bốn trăm năm mươi chín triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của vợ chồng ông Đặng Xuân H, bà Lê Thị H về việc: “Yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa vợ chồng ông H, bà H với vợ chồng ông V, bà T”. Tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã ký giữa vợ chồng ông Bùi Huỳnh V, bà Đinh Thị T với vợ chồng ông Đặng Xuân H, bà Lê Thị H, được công chứng tại phòng công chứng Nguyễn Mậu A ngày 10/01/2020, số công chứng 200 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD là vô hiệu.

- Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại quyết định số 01/2020/QĐ-BPKCTT ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện L đã phong tỏa diện tích đất 916m² thuộc thửa đất 1782, tờ bản đồ số 30, bộ bản đồ địa chính xã Phú Sơn, huyện L, tỉnh Lâm Đồng theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số CO 963192 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 30/10/2018, đứng tên ông Quảng Văn E đã được điều chỉnh cho vợ chồng ông Bùi Huỳnh V, bà Đinh Thị T. Phần tuyên về biện pháp khẩn cấp tạm thời trong bản án không bị kháng cáo, kháng nghị. Việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo quy định tại chương VIII của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

- Ngày 24/01/2022, bị đơn ông Bùi Huỳnh V; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Đặng Xuân H, bà Lê Thị H có đơn kháng cáo, yêu cầu hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2020/QĐ-BPKCTT ngày 17/01/2020 và hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện L giải quyết lại. Ngày 28/01/2022, 07/02/2022 và ngày 10/02/2022 ông V, ông H, bà H kháng cáo bổ sung yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 10/01/2020 giữa vợ chồng ông V, bà T với vợ chồng ông H, bà H.

Tại phiên tòa hôm nay: ông V trình bày do nhờ người viết đơn kháng cáo nên có sự nhầm lẫn tên vợ chồng ông thành vợ chồng ông H, bà H và không nhớ hết nội dung. Ông xác định chỉ kháng cáo không đồng ý trả tiền cho ông A, còn việc vợ ông là bà T có vay tiền của ông A hay không thì ông không biết. Ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đại diện nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của ông V và ông H, bà H. Đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H, bà H đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông H, bà H: Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2020/QĐ-BPKCTT ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện L; tiếp tục duy trì hợp đồng chuyển nhượng quyền quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 10/01/2020 giữa vợ chồng ông V, bà T với vợ chồng ông H, bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông V về việc tính lãi; không chấp nhận kháng cáo của ông H, bà H; Căn cứ khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Văn Đình A khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Bùi Huỳnh V, bà Đình Thị T trả nợ số tiền 350.000.000 đồng và tiền lãi, ông V không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông A nên phát sinh tranh chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông Bùi Huỳnh V, bà Đình Thị T đã chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông Đặng Xuân H, bà Lê Thị H nên nguyên đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Vợ chồng ông H, bà H yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã ký giữa vợ chồng ông H, bà H với vợ chồng ông V, bà T. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” là đúng quy định.

[2] Xét kháng cáo của ông V, vợ chồng ông H, bà H thì thấy rằng:

+ Đối với kháng cáo của ông V: theo hồ sơ thể hiện, vợ chồng ông V, bà T có mượn tiền của ông A 3 lần. Cụ thể, ngày 21-11-2018 mượn số tiền 100.000.000 đồng, hẹn ngày 05/12/2018 trả nợ; ngày 22-11-2018 mượn số tiền 150.000.000 đồng, hẹn ngày 05/12/2018 trả nợ và ngày 11-12-2018 mượn số tiền 100.000.000 đồng, hẹn ngày 25/12/2018 trả nợ. Tổng cộng: 350.000.000 (BL 22, 23, 24). Cả ba lần mượn tiền đều có giấy mượn tiền, có đủ chữ ký của ông Văn Đình A và vợ chồng ông Bùi Huỳnh V, bà Đình Thị T.

Ông V cho rằng mình không vay tiền của ông A, còn vợ ông là bà T có vay hay không thì không biết. Tuy nhiên, theo Kết luận giám định số 999/GĐ-PC09 ngày 12-8-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự công A tỉnh Lâm Đồng (BL 114) và Kết luận giám định lại số 1932/C09B ngày 20-5-2021 của Phân viện KHHS tại

thành phố Hồ Chí Minh (BL 240) cùng thể hiện một nội dung: Chữ ký, chữ viết họ tên “Bùi Huỳnh V” dưới mục “Bên mượn” tại ba giấy mượn tiền so với chữ ký, chữ viết đứng tên Bùi Huỳnh V trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra. Như vậy, vợ chồng ông V, bà T có vay mượn tiền của ông A, ông V cho rằng không ký, không biết việc mượn tiền là không có cơ sở chấp nhận.

Về tiền lãi: trong các giấy vay tiền không thể hiện lãi suất. Ông A trình bày các bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi vào giấy mượn tiền nhưng do ông A không có chứng cứ chứng minh còn ông V không thừa nhận. Do đó, cần xác định việc vay tiền không có lãi. Căn cứ khoản 4, Điều 466 Bộ luật dân sự, lãi suất được tính từ thời điểm ông V, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Cấp sơ thẩm buộc ông V, bà T phải trả lãi từ ngày vay là không đúng. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông V, sửa bản án sơ thẩm về phần lãi suất. Cụ thể,

- Số tiền $250.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 37 \text{ tháng}$ 16 ngày (từ ngày 05/12/2018 đến ngày 21/01/2022) = 77.881.000đ;

- Số tiền $100.000.000\text{đ} \times 0,83\% \times 36 \text{ tháng}$ 26 ngày (từ ngày 25/12/2018 đến ngày 21/01/2022) = 30.599.000.

Tổng cộng: $77.881.000\text{đ} + 30.599.000\text{đ} = 108.480.000\text{đ}$.

Buộc ông V, bà T phải có trách nhiệm trả cho ông A số tiền gốc là 350.000.000đ và số tiền lãi là 108.480.000đ. Tổng cộng là 458.480.000đ

+ Đối với kháng cáo của ông H, bà H:

Ngày 10/01/2020, vợ chồng ông Đặng Xuân H, bà Lê Thị H và vợ chồng ông Bùi Huỳnh V, bà Đinh Thị T có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, diện tích đất 916m² thuộc thửa 1782, tờ bản đồ số 30, xã Phú Sơn, huyện L, với giá trị chuyển nhượng là 300.000.000đ. Hợp đồng đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Mậu A. Do trong quá trình giải quyết vụ án, ông A yêu cầu vợ chồng ông V, bà T thanh toán số tiền nợ và lãi suất theo quy định nên ông A yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Sau khi xác minh, Tòa án nhân dân huyện L đã ban hành Quyết định số 01/2020/QĐ-BPBD ngày 17-01-2020 (BL 51) buộc thực hiện biện pháp bảo đảm phong tỏa tài sản để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của vợ chồng ông V, bà T theo đúng quy định của pháp luật. Sau đó, ông H, bà H đã khiếu nại đề nghị huỷ bỏ quyết định này và đã được giải quyết khiếu nại tại quyết định số 02/QĐGQKN ngày 14/02/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện L. Theo quy định tại khoản 2, Điều 141 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Quyết định giải quyết khiếu nại của Chánh án Tòa án nhân dân huyện L là quyết định cuối cùng. Mặt khác, khoản 2, Điều 19, Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTT ngày 24/9/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định “*phần tuyên về biện pháp khẩn cấp tạm thời trong bản án không bị kháng cáo, kháng nghị*”. Do đó, ông H, bà H kháng cáo yêu cầu huỷ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với kháng cáo yêu cầu công nhận hợp đồng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh tại địa phương nơi ông V, bà T cư trú thì ngoài diện tích đất 916m², thửa 1782, xã Phú Sơn, huyện L thì ông V, bà T không còn tài sản nào khác. Do đó, ông V, bà T chuyển nhượng đất cho ông H, bà H là nhằm tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ trả tiền cho ông A. Hơn nữa, trên diện tích đất hai bên đã làm thủ tục chuyển nhượng có căn nhà nhưng hợp đồng chuyển nhượng được Văn phòng công chứng Nguyễn Mậu A công chứng ngày 10/01/2020 không thể hiện có việc chuyển nhượng nhà là thuộc trường hợp hợp đồng có đối tượng không thể thực hiện được. Do đó, cấp sơ thẩm xác định hợp đồng chuyển nhượng ngày 10/01/2020 giữa ông V, bà T và ông H, bà H vô hiệu là có căn cứ.

Về việc giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, vợ chồng ông H, bà H không yêu cầu nên cấp sơ thẩm không giải quyết. Ông H, bà H được quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

Đối với kháng cáo của ông H, bà H về việc yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm vì cho rằng chữ kí tại đơn yêu cầu độc lập không phải của ông H, bà H và ông bà có yêu cầu giám định nhưng cấp sơ thẩm không tiến hành giám định mà vẫn xét xử thì thấy rằng:

Tại biên bản làm việc ngày 02/3/2020, ông H, bà H đề nghị Toà án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông bà và ông V, bà T đã được Văn phòng công chứng Nguyễn Mậu A công chứng ngày 10/01/2020. Ngày 17/3/2020, ông H, bà H có đơn yêu cầu độc lập đề nghị tiếp tục duy trì hợp đồng chuyển nhượng nêu trên. Cùng ngày 17/3/2020, Toà án thông báo cho ông H, bà H nộp tiền tạm ứng án phí, ông H, bà H đã nộp tạm ứng án phí và Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý yêu cầu độc lập của ông H, bà H. Quá trình giải quyết vụ án tại các buổi làm việc cũng như hoà giải, ông H, bà H vẫn yêu cầu Toà án giải quyết đối với yêu cầu độc lập của mình, không khiếu nại thắc mắc đối với thông báo nộp tạm ứng án phí và thông báo thụ lý yêu cầu độc lập của Toà án. Tại đơn kháng cáo thì ông H, bà H cũng vẫn đề nghị Toà án xem xét công nhận hợp đồng này cho ông bà. Do đó, việc ông H, bà H cho rằng chữ kí tại đơn yêu cầu độc lập không phải của ông bà và yêu cầu giám định là không có căn cứ nên cấp sơ thẩm không làm thủ tục giám định là có cơ sở. Kháng cáo của ông H, bà H đề nghị huỷ bản án sơ thẩm về nội dung này là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên chấp nhận một phần kháng cáo của ông Bùi Huỳnh V, không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Xuân H, bà Lê Thị H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[3] Về án phí: Ông V không phải chịu án phí phúc thẩm; ông H, bà H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Bùi Huỳnh V; không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Xuân H, bà Lê Thị H.

1. Sửa án sơ thẩm

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Văn Đình A về việc: *“Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”* với vợ chồng ông Bùi Huỳnh V, bà Đinh Thị T.

- Buộc vợ chồng ông Bùi Huỳnh V, bà Đinh Thị T phải trả cho ông Văn Đình A số tiền gốc là 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi suất là 108.480.000đ (Một trăm lẻ tám triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng). Tổng cộng là 458.480.000đ (Bốn trăm năm mươi tám triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của vợ chồng ông Đặng Xuân H, bà Lê Thị H về việc: *“Yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa vợ chồng ông H, bà H với vợ chồng ông V, bà T”*. Tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã ký giữa vợ chồng ông Bùi Huỳnh V, bà Đinh Thị T với vợ chồng ông Đặng Xuân H, bà Lê Thị H, được công chứng tại phòng công chứng Nguyễn Mậu A ngày 10/01/2020, số công chứng 200 quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD là vô hiệu.

- Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại quyết định số 01/2020/QĐ-BPKCTT ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện L đã phong tỏa diện tích đất 916m² thuộc thửa đất 1782, tờ bản đồ số 30, bộ bản đồ địa chính xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số CO 963192 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 30/10/2018, đứng tên ông Quảng Văn E đã được điều chỉnh cho vợ chồng ông Bùi Huỳnh V, bà Đinh Thị T.

2. Về chi phí tố tụng:

Buộc ông Bùi Huỳnh V phải trả lại cho ông Văn Đình A số tiền giám định là 5.300.000đ (Năm triệu ba trăm ngàn đồng).

Buộc vợ chồng ông Đặng Xuân H, bà Lê Thị H phải trả cho ông Văn Đình A số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm ngàn đồng).

3. *Về án phí*: Buộc vợ chồng ông Bùi Huỳnh V, bà Đinh Thị T phải chịu 22.339.200đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002929 ngày 17-2-2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Ông V, bà T còn phải nộp 22.039.200đ án phí.

Buộc vợ chồng ông Đặng Xuân H, bà Lê Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 600.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0007290 ngày 17-3-2020, 300.000đ theo biên lai thu số 0002921 ngày 16-02-2022 và 300.000đ theo biên lai thu số 0002922 ngày 16-02-2022 đều của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Ông H, bà H đã nộp đủ án phí.

Hoàn trả cho ông Văn Đình A số tiền 10.394.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0007026 ngày 02-12- 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC (01);
- VKSND tỉnh LĐ (01);
- TAND H. L (02);
- Phòng KTNV&THA (01);
- Các đương sự (10);
- Lưu AV – HS (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Nguyệt

